

**THỐNG KÊ THỰC HÀNH QUYỀN CÔNG TỔ VÀ
 KIỂM SÁT XÉT XỬ SƠ THẨM CÁC VỤ ÁN HÌNH SỰ**

*Từ ngày... ..tháng... ..năm.....đến ngày.....tháng.....năm
 (Áp dụng cho kỳ thống kê tháng, 6 tháng và 12 tháng)*

Tiêu chí	Mã dòng	Số liệu
Số vụ án còn lại của kỳ thống kê trước	1	
Số vụ án hủy mới nhận để xét xử lại	2	
Số vụ án điều tra bổ sung mới nhận lại	3	
Số vụ án tạm đình chỉ đã phục hồi xét xử trong kỳ thống kê	4	
Số bị cáo còn lại của kỳ thống kê trước	5	
Số bị cáo hủy mới nhận để xét xử lại	6	
Số bị can, bị cáo điều tra bổ sung mới nhận lại	7	
Số bị cáo tạm đình chỉ đã phục hồi xét xử trong kỳ thống kê	8	
Số vụ án mới thụ lý xét xử sơ thẩm	9	
<i>Trong đó:</i> - Số vụ án tham nhũng	10	
- Số vụ án có bị cáo là pháp nhân thương mại	11	
- Số vụ án xác định trọng điểm	12	
- Số vụ án VKS cấp trên phân công THQCT, KSXX	13	
<i>Tr. đó:</i> Do VKSND tối cao phân công	14	
Số bị cáo mới thụ lý xét xử sơ thẩm	15	
<i>Trong đó:</i> - Số bị cáo phạm tội tham nhũng	16	
- Số bị cáo là pháp nhân thương mại	17	
- Số bị cáo của vụ án xác định trọng điểm	18	
- Số bị cáo khi phạm tội là đảng viên	19	
<i>Tr. đó:</i> Số bị cáo là đảng viên giữ chức vụ quản lý	20	
- Số bị cáo của vụ án VKS cấp trên phân công THQCT, KSXX	21	
<i>Tr. đó:</i> Do VKSND tối cao phân công	22	
Tổng số vụ án Tòa án thụ lý xét xử sơ thẩm	23	
<i>Trong đó:</i> Số vụ án tham nhũng	24	
Tổng số bị cáo Tòa án thụ lý xét xử sơ thẩm	25	
<i>Trong đó:</i> Số bị cáo phạm tội tham nhũng	26	
Số vụ án tạm ngừng phiên tòa (theo Đ251 BLTTHS)	27	
<i>Trong đó:</i> - Cần phải xác minh, thu thập, bổ sung chứng cứ, tài liệu... (theo điểm a K1 Đ251 BLTTHS)	28	
- Do tình trạng sức khỏe, sự kiện bất khả kháng... (theo điểm b K1 Đ251 BLTTHS)	29	
- Do vắng mặt Thư ký Tòa án tại phiên tòa (theo điểm c K1 Đ251 BLTTHS)	30	
Số vụ án Tòa án hoãn phiên tòa (theo Đ297 BLTTHS)	31	
Số vụ án đã xét xử sơ thẩm	32	
<i>Trong đó:</i> - Số vụ án tham nhũng	33	

Tiêu chí	Mã dòng	Số liệu
- Số vụ án VKS cấp trên phân công THQCT, KSXX	34	
<i>Tr.đó:</i> Do VKSND tối cao phân công	35	
- Số vụ án có bị cáo là pháp nhân thương mại	36	
- Số vụ án xét xử theo thủ tục rút gọn	37	
- Số vụ án xác định trọng điểm	38	
- Số phiên tòa Tòa án rút kinh nghiệm	39	
- Số phiên tòa VKS rút kinh nghiệm	40	
- Số vụ án có người bào chữa	41	
<i>Tr.đó:</i> + Luật sư	42	
+ Bào chữa viên nhân dân	43	
+ Trợ giúp viên pháp lý	44	
- Số vụ án hủy để xét xử lại	45	
- Số vụ án VKS chuyển lại sau khi điều tra bổ sung	46	
<i>Tr. đó:</i> + Số vụ án Tòa án trả hồ sơ điều tra bổ sung lần 1	47	
+ Số vụ án Tòa án trả hồ sơ điều tra bổ sung lần 2	48	
Số bị cáo đã xét xử sơ thẩm	49	
<i>Trong đó:</i> - Số bị cáo phạm tội tham nhũng	50	
<i>Tr.đó:</i> + Số bị cáo được hưởng án treo	51	
+ Số bị cáo được áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ	52	
- Số bị cáo VKS cấp trên phân công THQCT, KSXX	53	
<i>Tr. đó:</i> Do VKSND tối cao phân công	54	
- Số bị cáo là pháp nhân thương mại	55	
- Số bị cáo trong vụ án xét xử theo thủ tục rút gọn	56	
- Số bị cáo trong vụ án xác định trọng điểm	57	
- Số bị cáo có người bào chữa	58	
<i>Tr.đó:</i> + Luật sư	59	
+ Bào chữa viên nhân dân	60	
+ Trợ giúp viên pháp lý	61	
- Số bị cáo Tòa án sơ thẩm tuyên không phạm tội	62	
<i>Tr.đó:</i> Số bị cáo phạm tội tham nhũng	63	
- Số bị cáo Tòa án xét xử theo khoản khác nhẹ hơn trong cùng điều luật hoặc một tội khác nhẹ hơn tội mà VKS đã truy tố	64	
- Số bị cáo Tòa án xét xử về tội danh khác bằng tội danh mà VKS đã truy tố	65	
- Số bị cáo Tòa án xét xử theo khoản khác nặng hơn trong cùng một điều luật hoặc về tội danh nặng hơn tội danh VKS truy tố	66	
- Số bị cáo hủy để xét xử lại	67	
- Số bị cáo VKS chuyển lại sau khi điều tra bổ sung	68	
<i>Tr. đó:</i> + Số bị cáo Tòa án trả hồ sơ điều tra bổ sung lần 1	69	
+ Số bị cáo Tòa án trả hồ sơ điều tra bổ sung lần 2	70	
Số vụ án Tòa án đình chỉ	71	
<i>Trong đó:</i> - Do bị hại hoặc người đại diện của bị hại rút đơn yêu cầu (theo K2 Đ155 BLTTHS)	72	
- Người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội chưa đến tuổi chịu trách nhiệm hình sự (theo K3 Đ157 BLTTHS)	73	
- Người mà hành vi phạm tội của họ đã có bản án hoặc quyết định đình chỉ vụ án có hiệu lực pháp luật (theo K4 Đ157 BLTTHS)	74	

Tiêu chí	Mã dòng	Số liệu
- Đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự (theo K5 Đ157 BLTTHS)	75	
- Tội phạm đã được đại xá (theo K6 Đ157 BLTTHS)	76	
- Người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội đã chết (theo K7 Đ157 BLTTHS)	77	
- Do VKS rút quyết định truy tố trước khi mở phiên toà	78	
- Số vụ án tham nhũng	79	
Số bị cáo Toà án đình chỉ	80	
<i>Trong đó:</i> - Do bị hại hoặc người đại diện của bị hại rút đơn yêu cầu (theo K2 Đ155 BLTTHS)	81	
- Người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội chưa đến tuổi chịu trách nhiệm hình sự (theo K3 Đ157 BLTTHS)	82	
- Người mà hành vi phạm tội của họ đã có bản án hoặc quyết định đình chỉ vụ án có hiệu lực pháp luật (theo K4 Đ157 BLTTHS)	83	
- Đã hết thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự (theo K5 Đ157 BLTTHS)	84	
- Tội phạm đã được đặc xá (theo K6 Đ157 BLTTHS)	85	
- Người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội đã chết (theo K7 Đ157 BLTTHS)	86	
- Do VKS rút quyết định truy tố trước khi mở phiên toà	87	
- Số bị cáo phạm tội tham nhũng	88	
Số vụ án Tòa án tạm đình chỉ trong kỳ thống kê	89	
<i>Trong đó:</i> - Do không biết rõ bị cáo đang ở đâu mà hết thời hạn chuẩn bị xét xử	90	
- Khi có kết luận giám định tư pháp bị cáo bị tâm thần hoặc mắc bệnh hiểm nghèo (theo điểm b K1 Đ229 BLTTHS)	91	
- Khi trưng cầu giám định, yêu cầu định giá tài sản, yêu cầu nước ngoài tương trợ tư pháp chưa có kết quả (theo điểm c K1 Đ229 BLTTHS)	92	
- Chờ kết quả xử lý văn bản pháp luật mà Tòa án kiến nghị (theo điểm c K1 Đ281 BLTTHS)	93	
-Số vụ án tham nhũng	94	
Số bị cáo Tòa án tạm đình chỉ trong kỳ thống kê	95	
<i>Trong đó:</i> - Do không biết rõ bị cáo đang ở đâu mà hết thời hạn chuẩn bị xét xử (theo điểm b K1 Đ281 BLTTHS)	96	
- Khi có kết luận giám định tư pháp bị cáo bị tâm thần hoặc mắc bệnh hiểm nghèo (theo điểm b K1 Đ229 BLTTHS)	97	
- Khi trưng cầu giám định, yêu cầu định giá tài sản, yêu cầu nước ngoài tương trợ tư pháp chưa có kết quả (theo điểm c K1 Đ229 BLTTHS)	98	
- Chờ kết quả xử lý văn bản pháp luật mà Tòa án kiến nghị (theo điểm c K1 Đ281 BLTTHS)	99	
- Số bị cáo phạm tội tham nhũng	100	
Tổng số vụ án Tòa án tạm đình chỉ tính đến cuối kỳ thống kê	101	
Tổng số bị cáo Tòa án tạm đình chỉ tính đến cuối kỳ thống kê	102	
Số vụ án còn lại chưa giải quyết	103	
<i>Trong đó:</i> - Số vụ án còn lại chưa giải quyết đã quá hạn luật định	104	
- Số vụ án tham nhũng	105	
Số bị cáo còn lại chưa giải quyết	106	
<i>Trong đó:</i> - Số bị cáo phạm tội tham nhũng	107	
- Số bị cáo đã quá hạn tạm giam	108	
Số vụ án Tòa án trả hồ sơ cho VKS để điều tra bổ sung	109	
<i>Trong đó:</i> - Số vụ án tham nhũng	110	

Tiêu chí	Mã dòng	Số liệu
- Thiếu chứng cứ mà không thể bổ sung tại phiên tòa được (theo điểm a K1 Đ280 BLTTHS)	111	
- Có căn cứ cho rằng ngoài hành vi mà VKS đã truy tố, bị can còn thực hiện hành vi khác mà BLHS quy định là tội phạm (theo điểm b K1 Đ280 BLTTHS)	112	
- Có căn cứ cho rằng còn có đồng phạm khác hoặc có người khác thực hiện hành vi mà BLHS quy định là tội phạm liên quan đến vụ án nhưng chưa được khởi tố vụ án, khởi tố bị can (theo điểm c K1 Đ280 BLTTHS)	113	
- Việc khởi tố, điều tra, truy tố vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng (theo điểm d K1 Đ280 BLTTHS)	114	
- Khi có căn cứ cho rằng bị can hoặc bị cáo phạm tội khác nặng hơn tội danh mà VKS đã truy tố (theo K3 Đ298 BLTTHS)	115	
- Do phát sinh tình tiết mới hoặc lý do khác	116	
Số vụ án Tòa án trả hồ sơ cho VKS để điều tra bổ sung được VKS chấp nhận	117	
<i>Trong đó:</i> - Số vụ án tham nhũng	118	
- Thiếu chứng cứ mà không thể bổ sung tại phiên tòa được (theo điểm a K1 Đ280 BLTTHS)	119	
- Có căn cứ cho rằng ngoài hành vi mà VKS đã truy tố, bị can còn thực hiện hành vi khác mà BLHS quy định là tội phạm (theo điểm b K1 Đ280 BLTTHS)	120	
- Có căn cứ cho rằng còn có đồng phạm khác hoặc có người khác thực hiện hành vi mà BLHS quy định là tội phạm liên quan đến vụ án nhưng chưa được khởi tố vụ án, khởi tố bị can (theo điểm c K1 Đ280 BLTTHS)	121	
- Việc khởi tố, điều tra, truy tố vi phạm nghiêm trọng về thủ tục tố tụng (theo điểm d K1 Đ280 BLTTHS)	122	
- Số vụ án được VKS chấp nhận, sau đó VKS thay đổi quan điểm truy tố	123	
- Số vụ án được VKS chấp nhận, sau đó có văn bản trả lời giữ nguyên quan điểm truy tố	124	
<i>Tr. đó:</i> Số vụ án VKS tự tiến hành điều tra bổ sung, sau đó có văn bản trả lời giữ nguyên quan điểm truy tố	125	
- Số vụ án VKS chấp nhận, đã bổ sung chứng cứ và đã chuyển hồ sơ lại Tòa án	126	
- Số vụ án được VKS chấp nhận và không khắc phục được dẫn đến tạm đình chỉ vụ án	127	
- Số vụ án được VKS chấp nhận và không khắc phục được dẫn đến đình chỉ vụ án	128	
Số vụ án Tòa án trả hồ sơ cho VKS để điều tra bổ sung nhưng VKS không chấp nhận và có văn bản trả lời giữ nguyên quan điểm truy tố	129	
<i>Trong đó:</i> Số vụ án VKS cấp trên phân công THQCT, KSXX	130	
<i>Tr. đó:</i> Do VKSND tối cao phân công	131	
Số bị cáo Tòa án trả hồ sơ cho VKS để điều tra bổ sung	132	
<i>Trong đó:</i> Số bị cáo phạm tội tham nhũng	133	
Số vụ án Tòa án trả hồ sơ cho VKS để điều tra bổ sung khi có căn cứ cho rằng ngoài hành vi mà VKS đã truy tố, bị can còn thực hiện hành vi khác mà BLHS quy định là tội phạm mà VKS đã chấp nhận	134	
<i>Trong đó:</i> - Số đã khởi tố	135	
- Số đã có văn bản trả lời không có căn cứ khởi tố	136	

Tiêu chí	Mã dòng	Số liệu
Số vụ án Tòa án trả hồ sơ cho VKS để điều tra bổ sung có căn cứ cho rằng còn có đồng phạm khác hoặc có người khác thực hiện hành vi mà BLHS quy định là tội phạm liên quan đến vụ án nhưng chưa được khởi tố vụ án, khởi tố bị can mà VKS đã chấp nhận	137	
<i>Trong đó:</i> - Số đã khởi tố	138	
- Số đã có văn bản trả lời không có căn cứ khởi tố	139	
Số vụ án VKS rút toàn bộ quyết định truy tố	140	
<i>Trong đó:</i> Số vụ án VKS rút truy tố của VKS cấp dưới	141	
Số bị can, bị cáo VKS rút toàn bộ quyết định truy tố	142	
<i>Trong đó:</i> Số bị can, bị cáo VKS rút truy tố của VKS cấp dưới	143	
Số vụ án VKS rút một phần quyết định truy tố	144	
<i>Trong đó:</i> Số vụ án VKS rút truy tố của VKS cấp dưới	145	
Số bị can, bị cáo VKS rút một phần quyết định truy tố	146	
<i>Trong đó:</i> Số bị can, bị cáo VKS rút truy tố của VKS cấp dưới	147	
Số vụ án VKS kháng nghị phúc thẩm đối với BA, QĐ của Tòa án cùng cấp	148	
Số bị cáo VKS kháng nghị phúc thẩm đối với BA, QĐ của Tòa án cùng cấp	149	
Số vụ án đề nghị VKS cấp trên kháng nghị phúc thẩm	150	
Số bị cáo đề nghị VKS cấp trên kháng nghị phúc thẩm	151	
Số bị cáo phạm tội tham nhũng bị VKS kháng nghị đối với trường hợp Tòa án cho hưởng án treo	152	
Số bản kiến nghị của VKS với Tòa án yêu cầu khắc phục vi phạm trong hoạt động xét xử sơ thẩm	153	
Số bản kiến nghị được chấp nhận	154	
Số bản kiến nghị không được chấp nhận	155	
Số bản kiến nghị của VKS với cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng biện pháp phòng ngừa tội phạm và vi phạm pháp luật trong hoạt động quản lý	156	

Ngời lập biểu
(Ký, ghi rõ họ và tên)

.....ngày...tháng.....năm 20.....
VIỆN TRƯỞNG
(Ký, ghi rõ họ và tên, đóng dấu)